|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên** **phép** **đánh** **giá** | **Mục đích của phép đánh giá** | **Phương pháp áp dụng** | **Phép đo, công thức và tính toán các thành phần dữ liệu** | **Chuyển đổi giá trị đo** | **Loại thang đánh giá** | **Loại phép đo** | **Đầu vào cho phép đo** | **Tham chiếu ISO/IEC 12207 SLCP** | **Đối tượng sử dụng** |
| Thời gian thực hiện nhiệm vụ | Thời gian để hoàn thành nhiệm vụ là bao lâu? | Người sử dụng kiểm tra | X= Ta  Ta= thời gian hoàn thành nhiệm vụ | 5 phút | Khoảng thời gian | T= Thời gian | Báo cáo vận hành (kiểm tra)  Bản ghi giám sát người sử dụng | 6.5 Xác nhận  5.3 Kiểm tra chất lượng  5.4 Vận hành | Người sử dụng  Người thiết kế giao diện sử dụng |
| Hiệu quả của nhiệm vụ | Người sử dụng hiệu quả như thế nào? | Người sử dụng kiểm tra | X= M1/T  M1= hiệu quả của nhiệm vụ  T= thời gian hoàn thành nhiệm vụ | 0.88 | - | T= Thời gian  X= Tỷ lệ/ Thời gian | Báo cáo vận hành (kiểm tra)  Bản ghi giám sát người sử dụng | 6.5 Xác nhận  5.3 Kiểm tra chất lượng  5.4 Vận hành | Người sử dụng  Người thiết kế giao diện sử dụng |
| CHÚ THÍCH 1: Hiệu quả của nhiệm vụ đo tỷ lệ mục tiêu đạt được trên mỗi đơn vị thời gian. Hiệu quả tăng cùng với tính hiệu quả tăng và giảm thời gian thực hiện nhiệm vụ. Nó cho phép thiết lập so sánh, ví dụ, giữa các giao diện nhanh không thể tránh lỗi và các giao diện chậm.  CHÚ THÍCH 2: Nếu việc hoàn thành nhiệm vụ đã được đo, hiệu quả nhiệm vụ có thể được đo như hoàn thành nhiệm vụ/ thời gian hoàn thành. Điều này đo tỷ tệ với người sử dụng thành công trên mỗi đơn vị thời gian. Giá trị cao chỉ thị tỷ lệ của người sử dụng thành công trong khoảng thời gian nhỏ. | | | | | | | | | |
| Hiệu suất kinh tế | Hiệu quả chi phí người sử dụng như thế nào? | Người sử dụng kiểm tra | X = M1/C  M1= Hiệu quả nhiệm vụ  C= Tổng chi phí của nhiệm vụ | 0.92 | Tuyệt đối | C= Giá trị  X= Tỷ lệ/ Giá trị | Báo cáo vận hành (kiểm tra)  Bản ghi giám sát người sử dụng | 6.5 Xác nhận  5.3 Kiểm tra chất lượng  5.4 Vận hành | Người sử dụng  Người thiết kế giao diện sử dụng |
| CHÚ THÍCH: Chi phí có thể bao gồm, ví dụ, thời gian người sử dụng, thời gian của các hỗ trợ khác, và chi phí tài nguyên máy tính, điện thoại, và các vật liệu. | | | | | | | | | |
| Tỷ lệ năng suất | Tỷ lệ thời gian người sử dụng thực hiện các hành động sản xuất là bao nhiêu? | Người sử dụng kiểm tra | X = Ta/Tb  Ta= thời gian sản xuất = thời gian thực hiện nhiệm vụ - thời gian hỗ trợ - thời gian lỗi - thời gian tìm kiếm  Tb = thời gian thực hiện nhiệm vụ | 0.9 | Giá trị tuyệt đối | Ta= Thời gian  Tb= Thời gian  X= Thời gian/ Thời gian | Báo cáo vận hành (kiểm tra)  Bản ghi giám sát người sử dụng | 6.5 Xác nhận  5.3 Kiểm tra chất lượng  5.4 Vận hành | Người sử dụng  Người thiết kế giao diện sử dụng |
| CHÚ THÍCH: Phép đánh giá này yêu cầu phân tích chi tiết băng ghi hình hành động xử lý. | | | | | | | | | |
| Hiệu quả người sử dụng tương đối | Người sử dụng hiệu quả như thế nào khi so sánh với chuyên gia? | Người sử dụng kiểm tra | Hiệu quả người sử dụng tương đối X= A/B  A= Hiệu quả người sử dụng ban đầu  B= Hiệu quả người sử dụng chuyên gia | 0.9 | Giá trị tuyệt đối | X = Tỷ lệ/Tỷ lệ | Báo cáo vận hành (kiểm tra)  Bản ghi giám sát người sử dụng | 6.5 Xác nhận  5.3 Kiểm tra chất lượng  5.4 Vận hành | Người sử dụng  Người thiết kế giao diện sử dụng |
| CHÚ THÍCH: Người sử dụng và chuyên gia thực hiện cùng một nhiệm vụ. Nếu chuyên gia có hiệu suất 100% và người sử dụng và chuyên gia có cũng hiệu quả nhiệm vụ, thì phép đánh giá này có thể sẽ có cùng giá trị với tỷ lệ năng suất. | | | | | | | | | |